

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2017/DS-ST

Ngày: 01- 9- 2017

V/v Tranh chấp hợp đồng góp họ;

Hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Kim Liên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Sương

Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Trăm -Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long:
không tham gia phiên tòa.

Ngày 01 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 107/2017/TLST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp họ; Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2017/QĐXXST - DS, ngày 28 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 105/2017/QĐST - DS ngày 14 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963; Nơi cư trú: Ấp X, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1968 (Chồng) và bà Lê Thị Yến L, sinh năm 1969 (Vợ); Cùng nơi cư trú: Ấp X, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. (Vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14 tháng 6 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày yêu cầu khởi kiện:

Bà Nguyễn Thị T yêu cầu bà Lê Thị Yến L và ông Nguyễn Thanh H phải có trách nhiệm cùng trả số tiền nợ hui là: 33.000.000đ (Ba mươi ba triệu đồng) và số

tiền vay là: 42.200.000đ (*Bốn mươi hai triệu hai trăm ngàn đồng*) tổng cộng bằng 75.200.000đ (*Bảy mươi lăm triệu hai trăm ngàn đồng*), không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra không có ý kiến yêu cầu gì thêm.

Bà Nguyễn Thị T đứng ra tổ chức hội và làm đầu thảo, mở hội mùa 1.000.000đ, ba tháng khai hội một lần, vợ chồng ông H, bà L có tham gia các phần hội như sau:

Vào ngày 20/11/2011^{al} bà T có mở dây hội mùa 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) ba tháng khai lần, hội mần ngày 20/11/2016, có 24 phần, có lập danh sách hội, trong đó ông H, bà L có tham gia 01 phần hội danh sách hội ghi tên ông H là hội viên, hội kêu đầu tiên ngày 20/11/2011 ông H kêu hốt được 11.560.000đ, huê hồng đầu thảo là 400.000đ, ông H đóng được đến lần thứ 5 thì ngưng không đóng cho đến khi mần hội là nợ 19 lần hội chết bằng 19.000.000đ (*Mười chín triệu đồng*). (*Có danh sách hội kèm theo*)

Vào ngày 25/5/2012 bà T có mở dây hội mùa 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) một tháng khai lần, hội mần ngày 25/3/2014, có 22 phần, có lập danh sách hội, trong đó ông H, bà L có tham gia 01 phần hội, danh sách hội ghi tên ông H là hội viên, hội kêu đầu tiên ngày 25/5/2012 ông H kêu hốt được 13.040.000đ, huê hồng đầu thảo là 400.000đ, ông H đóng được đến lần thứ 8 thì ngưng không đóng cho đến khi mần hội là nợ 14 lần hội chết bằng 14.000.000đ (*Mười bốn triệu đồng*). (*Có danh sách hội kèm theo*)

Tổng số tiền nợ hội ông H, bà L còn nợ bà T đến nay bằng 33.000.000đ (*Ba mươi ba triệu đồng*).

Ngoài ra ông Nguyễn Thanh H có hỏi vay tiền của bà Nguyễn Thị T vào các ngày như sau:

Vào ngày 22/9/2011 vay số tiền 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*); Ngày 24/9/2011 vay số tiền 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*); Ngày 06/10/2011 vay số tiền 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*); Ngày 15/6/2012 vay số tiền 8.000.000đ (*Tám triệu đồng*); Ngày 09/9/2012 vay số tiền 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*); Ngày 20/3/2013 vay số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*); Ngày 22/4/2012 vay số tiền 9.200.000đ (*Chín triệu hai trăm ngàn đồng*), tổng số tiền vay bằng 42.200.000đ (*Bốn mươi hai triệu hai trăm ngàn đồng*). Việc vay tiền không có làm hợp đồng nhưng có viết giấy tay làm biên nhận thời hạn trả là 12 tháng, thỏa thuận lãi suất 7%/tháng, do chỗ anh em bà con nên bà T cho ông H vay tiền nhiều lần để về lo đóng học phí cho con và xoay sở làm ăn lo cho gia đình. Tuy nhiên ông H và bà L không thực hiện đóng lãi như thỏa thuận, và đến thời gian trả vẫn không trả gốc cho bà T, bà T có đến gặp nhiều lần nhưng ông H và bà L không trả.

Tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị T yêu cầu bà Lê Thị Yến L và ông Nguyễn Thanh H cùng có trách nhiệm trả số tiền nợ hội là: 33.000.000đ (*Ba mươi ba triệu đồng*) và tiền vay là: 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) tổng cộng bằng 63.000.000đ (*Sáu mươi ba triệu đồng*), không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra không có ý kiến yêu cầu gì thêm.

Bị đơn bà Lê Thị Yến L và ông Nguyễn Thanh H đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp về việc kiểm tra, giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như ngày mở phiên tòa xét xử nhưng vẫn vắng mặt không lý do, đồng thời không có ý kiến phản bác hay yêu cầu phản tố gì khác đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị T.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn không có yêu cầu gì thêm, và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét việc bị đơn bà Lê Thị Yến L và ông Nguyễn Thanh H đã được Tòa án tổng đạt thông báo việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về ngày xét xử vụ án được ông Nguyễn Thanh H nhận đúng theo quy định pháp luật nhưng bà Lê Thị Yến L và ông Nguyễn Thanh H không đến, và vắng mặt nhiều lần không lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Lê Thị Yến L và ông Nguyễn Thanh H theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị T yêu cầu bà Lê Thị Yến L và ông Nguyễn Thanh H cùng có trách nhiệm trả số tiền nợ hui là: 33.000.000đ (*Ba mươi ba triệu đồng*) và số tiền vay là: 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*), tổng cộng bằng 63.000.000đ (*Sáu mươi ba triệu đồng*), không yêu cầu tính lãi. Bị đơn bà Lê Thị Yến L và ông Nguyễn Thanh H vắng mặt không có ý kiến phản bác hay yêu cầu phản tố gì khác đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị T.

Hội đồng xét xử nhận thấy việc bà Nguyễn Thị T yêu cầu bà Lê Thị Yến L và ông Nguyễn Thanh H cùng có trách nhiệm trả số tiền nợ hui là: 33.000.000đ (*Ba mươi ba triệu đồng*) và số tiền vay là: 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*), tổng cộng bằng 63.000.000đ (*Sáu mươi ba triệu đồng*) là có cơ sở xem xét. Bởi lẽ, các bên tham gia hui có danh sách hui kèm theo, và việc vay tiền có làm biên nhận có chữ ký của ông H. Bà Lê Thị Yến L và ông Nguyễn Thanh H đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án về việc bà T khởi kiện, thông báo phiên họp về việc kiểm tra, giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như ngày mở phiên tòa xét xử và giao biên bản việc tiếp cận công khai chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có ông Nguyễn Thanh H là người ký nhận nhưng vẫn vắng mặt không lý do, đồng thời không có ý kiến phản bác gì đối với yêu cầu của bà T, khi Tòa án mời đến hòa giải để làm rõ tranh chấp trong vụ án thì bà Lê Thị Yến L và ông Nguyễn Thanh H nhiều lần vắng mặt và khi mở phiên tòa xét xử vẫn không đến. Qua đó xét thấy bà Lê Thị Yến L và ông Nguyễn Thanh H đã tự mình từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp mà Pháp luật quy định.

Từ những luận điểm trên Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T. Buộc bà Lê Thị Yến L và ông Nguyễn Thanh H trả lại

cho bà Nguyễn Thị T số tiền nợ hui là 33.000.000đ (*Ba mươi ba triệu đồng*) và số tiền vay là 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*), tổng cộng bằng 63.000.000đ (*Sáu mươi ba triệu đồng*) là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP quy định về họ, hui, biêu, phường; Điều 471, Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về lãi suất: Bà Nguyễn Thị T không có yêu cầu nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Yến L và ông Nguyễn Thanh H cùng phải nộp số tiền 3.150.000đ (*Ba triệu một trăm năm mươi ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 940.000đ (*Chín trăm bốn mươi ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0010052, ngày 16 tháng 6 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 163, Điều 164, Điều 357, Điều 463, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 26, Điều 35, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 20, Điều 24, Điều 25, Điều 28, Điều 30 Nghị định số 144/2016/NĐ-CP, ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ quy định về họ, hui, biêu, phường.

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T;

Buộc bà Lê Thị Yến L và ông Nguyễn Thanh H trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền nợ hui là 33.000.000đ (*Ba mươi ba triệu đồng*) và tiền vay là 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) tổng cộng bằng 63.000.000đ (*Sáu mươi ba triệu đồng*).

Về lãi suất: Bà Nguyễn Thị T không có yêu cầu nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành án số tiền trên thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Yến L và ông Nguyễn Thanh H cùng phải nộp số tiền 3.150.000đ (*Ba triệu một trăm năm mươi ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 940.000đ (*Chín trăm bốn mươi ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0010052, ngày 16 tháng 6 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3/ Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh VL: 01
- VKS.ND huyện TB : 02
- THADS huyện TB: 01
- Dương sự
- Lưu: 03

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(*Đã ký*)

Hồ Kim Liên